

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 38



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi

Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Liên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2014)
Ông Phạm Đăng Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2014)
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên
Ông Trịnh Trọng Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2014)
Ông Nguyễn Quốc Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2014)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2014)
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Khắc Đô	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Phạm Việt Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2014



Số: 163 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 28 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 38. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vũ Đức Nguyên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 8 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Trần Thị Kim Khánh**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0395-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>3.392.552.221.150</b>	<b>3.445.352.191.646</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.292.256.245.093</b>	<b>1.995.074.404.085</b>
1. Tiền	111		243.724.551.024	266.268.447.285
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.048.531.694.069	1.728.805.956.800
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>374.890.396.440</b>	<b>577.347.799.075</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		378.214.364.520	581.257.084.355
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.323.968.080)	(3.909.285.280)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>481.015.406.539</b>	<b>665.165.439.600</b>
1. Phải thu khách hàng	131		403.326.485.455	540.447.998.377
2. Trả trước cho người bán	132		33.201.064.060	26.746.097.603
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>6</b>	179.162.984.721	237.612.277.522
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(134.675.127.697)	(139.640.933.902)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>135.399.591.005</b>	<b>111.056.378.156</b>
1. Hàng tồn kho	141		135.554.562.981	111.056.378.156
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(154.971.976)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>108.990.582.073</b>	<b>96.708.170.730</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.061.409.852	13.302.157.809
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.910.606.403	71.395.287.455
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>8</b>	11.047.209.511	352.727.824
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>9</b>	24.971.356.307	11.657.997.642

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+250+260+270)	<b>200</b>		<b>5.881.446.576.078</b>	<b>6.102.274.881.449</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.565.886.661.137</b>	<b>5.588.675.907.792</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.292.694.564.264	4.477.834.906.676
- Nguyên giá	222		6.522.157.678.950	6.505.295.383.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.229.463.114.686)	(2.027.460.476.847)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.620.516.767	2.710.063.326
- Nguyên giá	228		4.639.107.870	4.529.107.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.018.591.103)	(1.819.044.544)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.270.571.580.106	1.108.130.937.790
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>8.511.460.000</b>	<b>8.511.460.000</b>
1. Nguyên giá	241		8.511.460.000	8.511.460.000
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>188.426.203.987</b>	<b>356.754.728.802</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	115.362.927.735	123.691.452.550
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	73.063.276.252	233.063.276.252
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		<b>1.064.845.585</b>	<b>1.419.794.302</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>117.557.405.369</b>	<b>146.912.990.553</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	16	101.361.530.227	131.116.879.045
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	17	8.564.348.294	8.553.534.660
3. Tài sản dài hạn khác	273		7.631.526.848	7.242.576.848
<b>TỔNG TÀI SẢN (280 = 100+200)</b>	<b>280</b>		<b>9.273.998.797.228</b>	<b>9.547.627.073.095</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>5.533.425.039.162</b>	<b>5.925.149.503.037</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.556.718.399.041</b>	<b>1.819.991.079.226</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	661.543.061.394	811.927.212.094
2. Phải trả người bán	312		513.848.237.524	627.556.727.208
3. Người mua trả tiền trước	313		20.556.768.357	21.489.357.903
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	11.487.110.293	35.409.619.666
5. Phải trả người lao động	315		116.780.280.257	100.220.256.879
6. Chi phí phải trả	316	20	147.660.767.551	168.062.612.130
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		50.146.883.930	45.840.194.257
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		34.695.289.735	9.485.099.089
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.976.706.640.121</b>	<b>4.105.158.423.811</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	21	577.227.840.000	577.227.840.000
2. Phải trả dài hạn khác	333	22	36.048.843.324	35.320.769.983
3. Vay và nợ dài hạn	334	23	3.362.263.740.510	3.491.440.764.028
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.166.216.287	1.169.049.800
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>2.925.118.555.536</b>	<b>2.818.638.435.865</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>2.925.118.555.536</b>	<b>2.818.638.435.865</b>
1. Vốn cổ phần	411		2.326.000.000.000	2.326.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		167.725.974.592	167.725.974.592
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		52.147.369.262	30.191.420.194
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		18.909.569.022	8.921.493.957
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		360.335.642.660	285.799.547.122
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>25</b>	<b>815.455.202.530</b>	<b>803.839.134.193</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>9.273.998.797.228</b>	<b>9.547.627.073.095</b>
<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Ngoại tệ các loại:				
- Đô la Mỹ ("USD")			2.392.815	3.101.996
- Euro ("EUR")			632	643
- Yên Nhật ("JPY")			5.672.605	6.225.909
- Đô la Singapore ("SGD")			2.035	1.253

Nguyễn Thế Dân  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Anh  
Kế toán trưởng

Phạm Việt Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014


**MẪU B 02-DN/HN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.583.933.713.779	2.324.429.861.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		210.929.500	212.204.286
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	2.583.722.784.279	2.324.217.657.203
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	2.312.483.608.509	2.046.389.524.959
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		271.239.175.770	277.828.132.244
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	83.498.227.822	75.658.263.004
7. Chi phí tài chính	22	31	83.299.851.094	116.777.640.544
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		51.560.737.034	56.948.045.112
8. Chi phí bán hàng	24		3.002.115.855	3.548.378.240
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		84.689.214.762	60.865.635.850
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		183.746.221.881	172.294.740.614
11. Thu nhập khác	31		13.579.410.718	11.203.260.641
12. Chi phí khác	32		10.533.615.175	4.793.646.430
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	3.045.795.543	6.409.614.211
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45	14	8.584.863.921	11.217.382.798
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		195.376.881.345	189.921.737.623
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	25.429.171.871	40.846.108.526
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(10.813.634)	1.473.692.281
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>169.958.523.108</b>	<b>147.601.936.816</b>
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Cổ đông thiểu số		25	34.819.803.807	18.315.546.626
- Cổ đông của Công ty mẹ			135.138.719.301	129.286.390.190
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>34</b>	<b>581</b>	<b>556</b>

  
Nguyễn Thế Dân  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Kim Anh  
Kế toán trưởng



  
Phạm Việt Anh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 8 năm 2014



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	195.376.881.345	189.921.737.623
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	206.389.075.274	175.201.563.849
Các khoản dự phòng	03	(5.551.123.405)	(19.178.048.974)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	29.118.457.643	39.651.927.800
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(85.725.802.184)	(81.141.550.972)
Chi phí lãi vay	06	51.560.737.034	56.948.045.112
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	391.168.225.707	361.403.674.438
Thay đổi các khoản phải thu	09	200.773.657.539	(276.005.294.265)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(24.343.212.849)	9.036.809.203
Thay đổi các khoản phải trả	11	(123.613.508.088)	420.399.867.415
Thay đổi chi phí trả trước	12	23.684.378.826	12.010.393.503
Tiền lãi vay đã trả	13	(56.578.694.949)	(75.061.245.365)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(50.645.398.455)	(20.367.860.560)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.756.120.776
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(14.937.328.913)	(9.346.681.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	345.508.118.818	423.825.783.423
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(176.947.302.274)	(4.391.862.101)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	3.968.725.516	422.544.675.620
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(147.092.613.498)	(265.270.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn và dài hạn	24	510.135.333.333	134.300.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	103.088.454.676	63.653.283.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	293.152.597.753	350.836.096.849
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	95.000.000.000	571.476.776.500
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(417.443.512.533)	(326.168.770.663)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(19.303.890.029)	(26.611.865.892)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(341.747.402.562)	218.696.139.945
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	296.913.314.009	993.358.020.217
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.995.074.404.085	1.088.991.821.550
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	268.526.999	374.047.771
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	2.292.256.245.093	2.082.723.889.538

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ không bao gồm số tiền 3.820.897.828 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 0 đồng) là giá trị tài sản cố định mua sắm trong kỳ chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 42.108.521.290 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 30.471.474.534 đồng), là khoản lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia không bao gồm số tiền 23.494.818.819 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 30.218.828.957 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Nguyễn Thế Dân  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Anh  
Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

500-  
NHÀ  
NG 1  
IEMI  
JIT  
T N  
P. H



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 5 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 665 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 665 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty Vũng Tàu”) là công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500819392 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Vũng Tàu là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí; tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí; và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác cho các đối tác trong và ngoài nước, kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Vũng Tàu là 99,85%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là “Công ty Hà Nội”) là công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102396287 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Hoạt động chính của Công ty Hà Nội là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác; mua bán vật tư thiết bị và dịch vụ kỹ thuật dầu khí; mua bán xăng dầu và các sản phẩm dầu khí khác. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Hà Nội là 99,72%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (gọi tắt là “Công ty Phương Nam”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305662230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 4 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008. Hoạt động chính của Công ty Phương Nam là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Phương Nam là 69,63% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 53,75%).

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty Thái Bình Dương”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305475110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2009 và sửa đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 4 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 01 năm 2008. Hoạt động chính của Công ty Thái Bình Dương là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Thái Bình Dương lần lượt là 51%; 64,92% và 64,92%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
 Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty Sản phẩm khí”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Quốc tế là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Quốc tế lần lượt là 67,74%; 69,8% và 67,74%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vào ngày 22 tháng 12 năm 2010, Công ty Quốc tế mua lại 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, một công ty được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là “Công ty Đông Dương”) là công ty được thành lập vào ngày 25 tháng 7 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tổng vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Đông Dương là kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải khí hóa lỏng và xăng dầu và cho thuê xe hạng sang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Đông Dương lần lượt là 38,67%; 73% và 38,67%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là “Công ty Cửu Long”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 6 năm 2007 và các Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Cửu Long là kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải, cho thuê xe hạng sang, mua bán hàng hóa, khí hóa lỏng, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ du lịch. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Cửu Long lần lượt là 22,63%; 60% và 22,63%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là “Công ty Phương Đông Việt”) trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Phương Đông Việt là 62,34%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (gọi tắt là “Công ty Quảng Ngãi”) trước đây là chi nhánh ở Quảng Ngãi của Công ty mẹ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300560786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 7 tháng 12 năm 2010. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Quảng Ngãi là kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); cho thuê xe có động cơ; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Quảng Ngãi lần lượt là 95%; 99,87% và 99,87%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty mẹ tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 5 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 25
Thiết bị văn phòng	02 - 08

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến sáu năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty mẹ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn theo các quy định hiện hành có liên quan.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn và duy tu tàu định kỳ, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ một năm rưỡi đến mười năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động không được dùng để chia cho các cổ đông.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó có thể được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh theo mục đích định trước.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.770.418.846	1.851.701.593
Tiền gửi ngân hàng	240.954.132.178	264.416.745.692
Các khoản tương đương tiền	2.048.531.694.069	1.728.805.956.800
	<u><b>2.292.256.245.093</b></u>	<u><b>1.995.074.404.085</b></u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và Đồng Đô la Mỹ có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng của khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam là từ 5,7% đến 6,5%, của khoản tiền gửi bằng đồng Đô la Mỹ là 0,25% (31 tháng 12 năm 2013: lãi suất hàng năm được hưởng của khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam là từ 6,5% đến 7%, của khoản tiền gửi bằng Đồng Đô la Mỹ là 0,25%). Đồng thời, các khoản tương đương tiền cũng bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với số tiền là 337.240.082.500 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 472.136.115.500 đồng) trong tài khoản đồng chủ sở hữu với Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất ("DQS"). Đây là tài khoản dùng để quản lý khoản tiền giải ngân cho dự án đóng tàu có trọng tải 105.000 DWT. Công ty Thái Bình Dương đã chuyển khoản tiền giải ngân vào tài khoản này để cùng DQS quản lý và kiểm soát bằng cách chỉ được chuyển đến tài khoản của DQS khi có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền theo pháp luật và đóng dấu của hai chủ tài khoản kèm theo hồ sơ giải ngân. Công ty Thái Bình Dương được toàn quyền thụ hưởng và sử dụng toàn bộ số tiền lãi phát sinh trong suốt thời gian mở tài khoản đồng chủ sở hữu.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.403.710.080	6.403.710.080
Đầu tư ngắn hạn khác	371.810.654.440	574.853.374.275
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.323.968.080)	(3.909.285.280)
	<u><b>374.890.396.440</b></u>	<u><b>577.347.799.075</b></u>

Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu đến mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng là từ 5,8% đến 8,3% (31 tháng 12 năm 2013: 6,7% đến 11%/năm).

Trong kỳ, Tổng Công ty đã hoàn nhập số tiền 585.317.200 đồng liên quan đến khoản dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	28.379.730.009	11.322.946.521
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.250.936.615	44.807.174.386
Công ty TNHH PVTrans Emas	9.225.000.000	9.225.000.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	793.437.549	793.437.549
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	49.095.435	57.305.584.425
Khác	43.464.785.113	34.158.134.641
	<u><b>179.162.984.721</b></u>	<u><b>237.612.277.522</b></u>

(\*) Khoản phải thu của Công ty Thái Bình Dương từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 chưa được Ngân hàng xác nhận do đang tranh chấp và chờ kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi của số tiền này và đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhiên liệu	113.764.405.317	95.463.386.032
Công cụ, dụng cụ	18.560.225.090	10.131.829.579
Hàng hoá	3.229.932.574	5.461.162.545
<b>Cộng</b>	<b><u>135.554.562.981</u></b>	<b><u>111.056.378.156</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(154.971.976)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b><u>135.399.591.005</u></b>	<b><u>111.056.378.156</u></b>

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	3.239.166.826	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.008.717.425	261.031.365
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	4.135.350.709	-
Thuế khác	663.974.551	91.696.459
	<b><u>11.047.209.511</u></b>	<b><u>352.727.824</u></b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ký quỹ ngắn hạn	12.201.768.529	1.555.902.901
Tạm ứng	10.730.778.240	7.920.283.462
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.038.809.538	2.181.811.279
	<b><u>24.971.356.307</u></b>	<b><u>11.657.997.642</u></b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	545.454.545	12.002.401.192	6.487.122.254.819	5.625.272.967	6.505.295.383.523
Tăng trong kỳ	-	18.014.469.161	5.636.692.986	517.035.000	24.168.197.147
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.305.901.720)	-	(7.305.901.720)
Tại ngày 30/06/2014	<u>545.454.545</u>	<u>30.016.870.353</u>	<u>6.485.453.046.085</u>	<u>6.142.307.967</u>	<u>6.522.157.678.950</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	(163.636.366)	(5.922.819.307)	(2.018.147.080.367)	(3.226.940.807)	(2.027.460.476.847)
Khấu hao trong kỳ	(27.272.724)	(1.037.640.598)	(204.397.106.183)	(727.509.210)	(206.189.528.715)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.186.890.876	-	4.186.890.876
Tại ngày 30/06/2014	<u>(190.909.090)</u>	<u>(6.960.459.905)</u>	<u>(2.218.357.295.674)</u>	<u>(3.954.450.017)</u>	<u>(2.229.463.114.686)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/06/2014	<b><u>354.545.455</u></b>	<b><u>23.056.410.448</u></b>	<b><u>4.267.095.750.411</u></b>	<b><u>2.187.857.950</u></b>	<b><u>4.292.694.564.264</u></b>
Tại ngày 31/12/2013	<b><u>381.818.179</u></b>	<b><u>6.079.581.885</u></b>	<b><u>4.468.975.174.452</u></b>	<b><u>2.398.332.160</u></b>	<b><u>4.477.834.906.676</u></b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 23, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 lần lượt là 4.876.326.206.322 đồng và 3.389.465.845.964 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.622.354.408.010 đồng và 2.377.352.068.156 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Ngoài ra, Công ty Sản phẩm khí cũng đã thế chấp phương tiện vận tải với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 lần lượt là 94.759.233.638 đồng và 27.595.397.540 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 94.759.233.638 đồng và 33.941.389.417 đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long để phát hành thư bảo lãnh thanh toán kinh doanh khí hóa lỏng. Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có một số phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 8.515.904.383 đồng và 4.357.003.147 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 9.915.311.588 đồng và 3.174.844.544 đồng).

Theo Quyết định số 52/QĐ-VTDK-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2014 và Quyết định số 25/QĐ-VTDK-HĐQT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã phê duyệt chủ trương thanh lý tàu FSO Kamari trong năm 2014. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, quá trình thanh lý vẫn chưa hoàn tất và giá trị còn lại của tàu FSO Kamari tại ngày này là 90.493.629.017 đồng.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Giấy chứng nhận <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	2.300.000.000	2.102.767.320	126.340.550	4.529.107.870
Tăng trong kỳ	-	110.000.000	-	110.000.000
Tại ngày 30/06/2014	<u>2.300.000.000</u>	<u>2.212.767.320</u>	<u>126.340.550</u>	<u>4.639.107.870</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	(123.293.518)	(1.569.410.476)	(126.340.550)	(1.819.044.544)
Khấu hao trong kỳ	(17.176.338)	(182.370.221)	-	(199.546.559)
Tại ngày 30/06/2014	<u>(140.469.856)</u>	<u>(1.751.780.697)</u>	<u>(126.340.550)</u>	<u>(2.018.591.103)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/06/2014	<u><u>2.159.530.144</u></u>	<u><u>460.986.623</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>2.620.516.767</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>2.176.706.482</u></u>	<u><u>533.356.844</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>2.710.063.326</u></u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có một số phần mềm máy tính và Giấy chứng nhận đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 759.410.300 đồng và 126.340.550 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 673.410.300 đồng và 126.340.550 đồng).

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/6/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Dự án đóng mới tàu chở dầu (*)	1.265.489.676.804	1.108.081.445.290
Chi phí sửa chữa lớn tàu dở dang	5.032.410.802	-
Dự án khác	49.492.500	49.492.500
	<u><u>1.270.571.580.106</u></u>	<u><u>1.108.130.937.790</u></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(\*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí phát sinh trong quá trình đóng mới tàu có trọng tải 105.000 DWT do Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất thực hiện tới thời điểm 30 tháng 6 năm 2014. Trong kỳ, chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị của dự án đóng tàu này với số tiền là 31.652.971.983 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 25.165.521.728 đồng).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2013, Công ty Thái Bình Dương đã thông qua chủ trương chuyên đổi dự án đầu tư đóng mới tàu chở dầu thô 105.000 DWT thành Kho nổi chứa và xuất dầu phục vụ cho mỏ Đại Hùng. Tổng mức đầu tư theo dự toán mới sẽ tăng từ 104.152.900 đô la Mỹ lên 123.793.700 đô la Mỹ. Dự án hoàn cải đã bắt đầu từ đầu năm 2014 và theo kế hoạch sẽ hoàn thành vào quý 1 năm 2015.

**13. BẮT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, bắt động sản đầu tư bao gồm chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng (không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2013).

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bắt động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bắt động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 30 tháng 6 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty Cửu Long (Công ty con của Tổng Công ty) hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bắt động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty Cửu Long cần phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bắt động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty Cửu Long chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Chi tiết số vốn đã góp vào các công ty liên kết, liên doanh tại ngày kết thúc kỳ hoạt động của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH PVTrans Emas	1.025.000.000	1.025.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	98.000.000.000	98.000.000.000
	<b><u>99.025.000.000</u></b>	<b><u>99.025.000.000</u></b>

Công ty TNHH PVTrans Emas được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501702083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.050.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 1.025.000.000 đồng, tương ứng với 50% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của Công ty này là sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, cầu kiện nổi; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của Công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết, liên doanh được trình bày như sau:

	30/06/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	99.025.000.000	99.025.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	16.337.927.735	24.666.452.550
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>115.362.927.735</u></b>	<b><u>123.691.452.550</u></b>
Tổng tài sản	530.917.195.239	529.221.423.973
Tổng công nợ	(296.741.236.095)	(276.999.068.659)
Tài sản thuần	234.175.959.144	252.222.355.314
<b>Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b><u>115.362.927.735</u></b>	<b><u>123.691.452.550</u></b>
	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần	499.672.032.049	358.676.228.687
Lợi nhuận thuần	16.770.599.838	22.769.432.272
<b>Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b><u>8.584.863.921</u></b>	<b><u>11.217.382.798</u></b>

**15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn	10.011.000.000	10.011.000.000
PV KEEZ Pte., Ltd.	63.052.276.252	63.052.276.252
Đầu tư dài hạn khác	-	160.000.000.000
	<b><u>73.063.276.252</u></b>	<b><u>233.063.276.252</u></b>

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn thể hiện khoản góp vốn theo Biên bản số 3845/BB-DKVN ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 10.011.000.000 đồng, tương ứng 1% vốn góp.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập Công ty PV KEEZ Pte., Ltd. tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chim Sáo và Dừa.

Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 3.205.425 đô la Mỹ.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	83.949.526.400	111.644.208.385
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	5.010.901.942	12.038.340.334
Chi phí dài hạn khác	12.401.101.886	7.434.330.326
	<u><b>101.361.530.227</b></u>	<u><b>131.116.879.045</b></u>

**17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ này và các kỳ trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VND</u>	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	4.664.520.097	250.355.588	4.914.875.685
Chuyển sang lợi nhuận	<u>3.900.259.446</u>	<u>(261.600.471)</u>	<u>3.638.658.975</u>
Tại ngày 01/01/2014	8.564.779.543	(11.244.883)	8.553.534.660
Chuyển sang lợi nhuận	<u>10.813.634</u>	<u>-</u>	<u>10.813.634</u>
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<u><b>8.575.593.177</b></u>	<u><b>(11.244.883)</b></u>	<u><b>8.564.348.294</b></u>

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	41.490.538.045	47.070.538.045
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	<u>620.052.523.349</u>	<u>764.856.674.049</u>
	<u><b>661.543.061.394</b></u>	<u><b>811.927.212.094</b></u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay của Công ty Đông Dương từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) theo Hợp đồng vay số 36/PV-Petrotrans/TXV/08 ngày 18 tháng 6 năm 2008 với hạn mức tín dụng là 111.000.000.000 đồng để mua sắm phương tiện vận tải phục vụ cho kinh doanh vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của một số phương tiện vận tải của Công ty Đông Dương và chịu lãi suất là 6,8%/năm. Thời hạn của hợp đồng vay này là 01 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và được gia hạn thêm 01 năm, đáo hạn vào ngày 18 tháng 6 năm 2012 với mức lãi suất được hỗ trợ trong giai đoạn này là 3%/năm. Khoản vay được tiếp tục gia hạn trong năm 2014 và giữ nguyên mức lãi suất hỗ trợ là 3%/năm đối với dư nợ còn lại kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2012.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	3.161.822.703	3.262.104.152
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.213.762.359	26.598.340.109
Thuế thu nhập cá nhân	2.417.238.482	4.795.513.796
Thuế khác	1.694.286.749	753.661.609
	<b><u>11.487.110.293</u></b>	<b><u>35.409.619.666</u></b>

Tình hình tăng giảm khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	3.262.104.152	31.128.248.851	34.467.697.126	(77.344.123)
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	67.754.460	1.247.857.478	5.383.208.187	(4.067.596.249)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.328.139.469	25.429.171.871	50.645.398.455	1.111.912.885
Thuế thu nhập cá nhân	4.795.513.796	17.476.719.564	19.815.357.555	2.456.875.805
Thuế nhà thầu	601.843.983	10.135.399.399	9.112.247.075	1.624.996.307
Thuế môn bài	-	48.000.000	48.000.000	-
Thuế khác	1.535.982	599.907.776	1.210.387.601	(608.943.843)
<b>Tổng</b>	<b><u>35.056.891.842</u></b>	<b><u>86.065.304.939</u></b>	<b><u>120.682.295.999</u></b>	<b><u>439.900.782</u></b>
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu	352.727.824			11.047.209.511
Thuế và các khoản phải nộp	35.409.619.666			11.487.110.293
	<b><u>35.056.891.842</u></b>			<b><u>439.900.782</u></b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	38.935.636.680	30.244.927.461
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	38.038.242.945	44.983.845.000
Chi phí đóng tàu Mercury (*)	34.995.071.885	34.995.071.885
Phí bảo lãnh, quản lý	11.169.445.260	6.975.903.701
Phí hoa hồng, đại lý	4.925.393.588	7.173.423.043
Chi phí sửa chữa khác	2.848.250.855	26.301.216.125
Chi phí khác	16.748.726.338	17.388.224.915
	<b><u>147.660.767.551</u></b>	<b><u>168.062.612.130</u></b>

(\*) Đây là khoản trích trước chi phí liên quan đến dự án đóng tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT (tàu Mercury) do Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất thực hiện. Tổng chi phí thực tế phát sinh tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.110.231.581.382 đồng và theo Quyết định số 89/QĐ-VTDK-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định theo giá trị dự toán được duyệt là 1.145.226.653.267 đồng. Giá trị của con tàu này sẽ được điều chỉnh dựa trên kết quả kiểm toán của dự án này cũng như phê duyệt từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty mẹ của Tổng Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, việc quyết toán giá trị con tàu vẫn chưa hoàn tất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN**

Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT phải thanh toán cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổng giá trị là 618.458.400.000 đồng. Theo Nghị quyết số 6658/NQ-DKVN ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, khoản công nợ này sẽ được hoàn trả trong vòng 15 năm tính từ khi tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT này đi vào khai thác (tháng 11 năm 2013). Ngày 28 tháng 10 năm 2013, Tổng Công ty đã có Công văn số 960/VTDK-HĐQT gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về “Các giải pháp hỗ trợ tài chính cho Dự án đầu tư tàu đóng mới chở dầu thô 104.000 DWT” theo đó, việc thanh toán nợ gốc khoản phải trả dài hạn bắt đầu từ năm thứ 4 sau khi đưa tàu vào khai thác. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn chưa thống nhất về lịch trả nợ liên quan tới khoản phải trả dài hạn này.

**22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác liên quan đến khoản tiền nhận ký quỹ dài hạn từ tài xế xe taxi, tài xế lái xe theo hợp đồng và các khách hàng thuê xe dài hạn của Công ty Cửu Long và Công ty Đông Dương. Khoản ký quỹ từ tài xế được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng lao động với tài xế. Khoản ký quỹ từ khách hàng thuê xe được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng thuê.

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn và khoản nhận bảo lãnh tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Citibank	1.330.854.045.354	1.419.966.449.200
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	769.688.063.068	781.386.231.818
Ngân hàng Natixis - chi nhánh Hồ Chí Minh	397.724.250.000	434.195.300.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	487.000.000.000	392.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Thăng Long	88.947.368.422	102.631.578.948
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	205.799.318.166	259.510.211.222
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn	52.430.695.500	64.852.242.840
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	29.820.000.000	36.898.750.000
	<b><u>3.362.263.740.510</u></b>	<b><u>3.491.440.764.028</u></b>

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính với tổng hạn mức tín dụng là 1.628.000.000.000 đồng, 137.529.512 Đô la Mỹ và 7.963.343.883 Yên Nhật (tương đương 86.926.471 Đô la Mỹ) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.628.000.000.000 đồng, 146.629.512 Đô la Mỹ và 7.963.343.883 Yên Nhật (tương đương 86.926.471 Đô la Mỹ)). Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty cùng doanh thu về cước tàu của Công ty Thái Bình Dương và phần vốn góp của Tổng Công ty trong công ty này. Tổng Công ty phải chịu lãi suất lãi tiền vay từ 4,34% đến 6,15%/năm cho khoản vay bằng tiền đô la Mỹ và lãi suất kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88% - 4,5%/năm hoặc lãi suất là 0,1% - 6,15%/năm cho khoản vay bằng tiền Đồng Việt Nam.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong kỳ, Tổng Công ty đã nhận khoản bảo lãnh từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổng số tiền là 95.000.000.000 đồng (năm 2013: 392.000.000.000 đồng) theo Hợp đồng Bảo lãnh số 732/HĐCBL-DKVN ký ngày 11 tháng 02 năm 2009 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 5 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cam kết cung cấp tín dụng cho Tổng Công ty như là một khoản bảo lãnh liên quan đến việc đóng tàu vận tải trọng tải 105.000 DWT. Khoản bảo lãnh này có tổng hạn mức là 627 tỷ đồng, được bảo đảm bằng một số phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty và tài sản là tàu 105.000 DWT hình thành trong tương lai. Tổng Công ty chịu lãi suất 2,5%/ năm trên số dư nợ giảm dần và được hoàn trả trong thời gian 10 năm kể từ khi dự án đóng tàu trọng tải 105.000 DWT chính thức đi vào hoạt động (dự kiến năm 2015).

Các khoản vay dài hạn và nhận bảo lãnh được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	620.052.523.349	764.856.674.049
Trong năm thứ hai	589.242.646.058	549.448.044.910
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.433.821.834.884	1.559.389.231.257
Sau năm năm	1.339.199.259.568	1.382.603.487.861
	<b>3.982.316.263.859</b>	<b>4.256.297.438.077</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(620.052.523.349)	(764.856.674.049)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>3.362.263.740.510</b>	<b>3.491.440.764.028</b>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Tại ngày 30/6/2014 và 31/12/2013	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành	232.600.000	2.326.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>232.600.000</u>	<u>2.326.000.000.000</u>
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
<u>Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng</u>	<b>232.600.000</b>	<b>232.600.000</b>
+ Cổ phần phổ thông	232.600.000	232.600.000
<u>Số lượng cổ phần đang lưu hành</u>	<b>232.600.000</b>	<b>232.600.000</b>
+ Cổ phần phổ thông	232.600.000	232.600.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ đông	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	2.326.000.000.000	128.013.266.068	23.115.069.932	6.187.816.834	106.191.021.375	2.589.507.174.209
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	239.358.574.697	239.358.574.697
Phân phối quỹ	-	39.712.708.524	7.076.350.262	2.733.677.123	(49.522.735.909)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(7.206.457.940)	(7.206.457.940)
Thù lao Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(1.440.710.536)	(1.440.710.536)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.580.144.565)	(1.580.144.565)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>2.326.000.000.000</b>	<b>167.725.974.592</b>	<b>30.191.420.194</b>	<b>8.921.493.957</b>	<b>285.799.547.122</b>	<b>2.818.638.435.865</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	135.138.719.301	135.138.719.301
Phân phối quỹ	-	-	21.955.949.068	9.988.075.065	(31.944.024.133)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(20.835.375.237)	(20.835.375.237)
Thù lao Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(5.609.835.657)	(5.609.835.657)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.213.388.736)	(2.213.388.736)
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>2.326.000.000.000</b>	<b>167.725.974.592</b>	<b>52.147.369.262</b>	<b>18.909.569.022</b>	<b>360.335.642.660</b>	<b>2.925.118.555.536</b>

Chi tiết cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Tại ngày 30/6/2014 và 31/12/2013	
	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.358.499.460.000	58,4
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	193.485.380.000	8,3

Theo Công văn số 603/VTDK-KHĐT ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Tổng Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển). Theo đó số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 23.257.542 cổ phiếu và tổng số cổ phiếu lưu hành trên thị trường tại ngày 24 tháng 7 năm 2014 là 255.857.542 cổ phiếu.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty Vũng Tàu <u>VND</u>	Công ty Hà Nội <u>VND</u>	Công ty Phương Nam <u>VND</u>	Công ty Thái Bình Dương <u>VND</u>	Công ty Sân phẩm khí <u>VND</u>	Công ty Đông Dương <u>VND</u>	Công ty Cửu Long <u>VND</u>	Công ty Phương Đông Việt <u>VND</u>	Công ty Quảng Ngãi <u>VND</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>									
Vốn điều lệ của công ty con	156.232.000.000	108.100.000.000	382.565.080.000	942.750.280.000	300.000.000.000	100.000.000.000	230.000.000.000	170.000.000.000	7.610.000.000
Trong đó:									
- Vốn của Công ty mẹ	156.000.000.000	107.800.000.000	205.632.000.000	612.000.000.000	203.209.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	107.869.870.000	7.600.000.000
- Vốn của cổ đông thiểu số	232.000.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	96.791.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	62.130.130.000	10.000.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>0,15%</b>	<b>0,28%</b>	<b>46,25%</b>	<b>35,08%</b>	<b>32,26%</b>	<b>61,33%</b>	<b>77,37%</b>	<b>36,55%</b>	<b>0,13%</b>
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>									
Vốn điều lệ của công ty con	156.232.000.000	108.100.000.000	582.565.080.000	942.750.280.000	300.000.000.000	100.000.000.000	230.000.000.000	170.000.000.000	7.610.000.000
Trong đó:									
- Vốn của Công ty mẹ	156.000.000.000	107.800.000.000	405.632.000.000	612.000.000.000	203.209.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	107.869.870.000	7600000000
- Vốn của cổ đông thiểu số	232.000.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	96.791.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	62.130.130.000	10.000.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>0,15%</b>	<b>0,28%</b>	<b>30,37%</b>	<b>35,08%</b>	<b>32,26%</b>	<b>61,33%</b>	<b>77,37%</b>	<b>36,55%</b>	<b>0,13%</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Lợi ích của cổ đông thiểu số:**

	Công ty Vũng Tàu VND	Công ty Hà Nội VND	Công ty Phương Nam VND	Công ty Thái Bình Dương VND	Công ty Sân phẩm khí VND	Công ty Đông Dương VND	Công ty Cửu Long VND	Công ty Phương Đông Việt VND	Công ty Quảng Ngãi VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>										
Vốn của cổ đông thiểu số	232.000.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	145.791.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	10.000.000	957.333.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	3.747.280.406	-	-	-	-	3.747.280.406
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	1.895.160.528	3.093.644.615	-	290.201.317	-	-	5.279.006.460
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	657.740.218	551.551.099	-	379.774.160	-	-	1.589.065.477
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.466.124	15.464.596	(150.974.293.341)	(5.748.450.027)	27.514.982.363	(5.026.823.307)	13.193.458.976	(43.606.206.543)	6.413.009	(164.609.988.150)
	<b>247.466.124</b>	<b>315.464.596</b>	<b>25.958.786.659</b>	<b>327.554.730.719</b>	<b>180.698.458.483</b>	<b>56.303.176.693</b>	<b>191.825.714.453</b>	<b>20.918.923.457</b>	<b>16.413.009</b>	<b>803.839.134.193</b>
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>										
Vốn của cổ đông thiểu số	232.000.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	145.791.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	10.000.000	957.333.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	3.747.280.406	-	-	-	-	3.747.280.406
Quỹ dự phòng tài chính	385.735	-	-	1.895.160.528	4.394.954.877	-	649.313.786	-	-	6.939.814.926
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	657.740.218	551.551.099	-	738.886.629	-	-	1.948.177.946
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.591.771	21.766.277	(146.030.418.976)	(695.483.509)	16.706.984.590	(3.909.376.053)	17.202.118.717	(38.333.699.510)	7.675.945	(155.013.840.748)
	<b>248.977.506</b>	<b>321.766.277</b>	<b>30.902.661.024</b>	<b>332.607.697.237</b>	<b>171.191.770.972</b>	<b>57.420.623.947</b>	<b>196.552.599.132</b>	<b>26.191.430.490</b>	<b>17.675.945</b>	<b>815.455.202.530</b>

**Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ:**

	Công ty Vũng Tàu VND	Công ty Hà Nội VND	Công ty Phương Nam VND	Công ty Thái Bình Dương VND	Công ty Sân phẩm khí VND	Công ty Đông Dương VND	Công ty Cửu Long VND	Công ty Phương Đông Việt VND	Công ty Quảng Ngãi VND	Tổng VND
<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>										
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	1.532.337.948	2.741.411.247	1.258.693.538	4.627.785.045	25.599.341.005	(1.963.875.864)	4.452.239.005	8.923.034.205	1.022.290.880	48.193.257.009
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	2.275.478	7.607.987	582.135.004	1.623.591.350	10.597.009.468	(1.204.445.067)	3.444.915.671	3.261.113.383	1.343.352	18.315.546.626
<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>										
Lợi nhuận trong kỳ	1.497.546.497	2.858.767.967	16.278.067.192	17.273.308.349	23.174.250.615	1.822.023.894	7.337.307.073	14.936.473.198	992.194.449	86.169.939.234
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	2.223.813	7.933.676	4.943.874.365	6.060.090.030	11.384.345.724	1.117.447.254	5.677.234.329	5.625.350.813	1.303.803	34.819.803.807



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
 Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải bằng tàu và xe taxi  
 Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi - kinh doanh cung cấp kho nổi cho mỏ dầu  
 Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng LPG, xăng dầu và hàng hóa khác  
 Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014****Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Không phân loại được VND	Tổng VND
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	7.407.987.490.443	259.805.016.410	84.611.097.086	121.794.687.777	98.819.754.379	7.973.018.046.095
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết					8.584.863.921	8.584.863.921
Tài sản không phân bổ					1.292.395.887.212	1.292.395.887.212
Tổng tài sản hợp nhất						<b>9.273.998.797.228</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	3.226.456.333.865	121.273.134.900	72.523.501.817	85.379.505.223	-	3.505.632.475.805
Nợ phải trả không phân bổ					2.027.792.563.357	2.027.792.563.357
Tổng nợ phải trả hợp nhất						<b>5.533.425.039.162</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.239.602.543.659	282.908.823.076	1.030.924.768.126	30.286.649.418	2.583.722.784.279
Tổng doanh thu	1.239.602.543.659	282.908.823.076	1.030.924.768.126	30.286.649.418	2.583.722.784.279
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Kết quả hoạt động kinh doanh	142.186.285.057	57.073.351.675	57.169.037.646	14.810.501.392	271.239.175.770
Chi phí không phân bổ					(87.691.330.617)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					183.547.845.153
Doanh thu hoạt động tài chính					92.083.091.743
Lợi nhuận khác					3.045.795.543
Chi phí tài chính					(83.299.851.094)
Lợi nhuận trước thuế					195.376.881.345
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(25.429.171.871)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					10.813.634
Lợi nhuận trong kỳ					169.958.523.108
<b>Thông tin khác</b>					
Khấu hao					206.389.075.274







**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Dịch vụ vận tải	1.239.602.543.659	1.218.118.026.779
Dịch vụ cung cấp kho nổi	282.908.823.076	204.069.394.462
Thương mại	1.030.924.768.126	796.263.278.192
Dịch vụ khác	30.286.649.418	105.766.957.770
	<b>2.583.722.784.279</b>	<b>2.324.217.657.203</b>
	28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP	
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Dịch vụ vận tải	1.097.416.258.602	995.619.553.719
Dịch vụ cung cấp kho nổi	225.835.471.401	178.723.275.363
Thương mại	973.755.730.480	773.922.620.668
Dịch vụ khác	15.476.148.026	98.124.075.209
	<b>2.312.483.608.509</b>	<b>2.046.389.524.959</b>
	29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ	
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	409.738.137.800	337.637.275.201
Chi phí nhân công	283.159.185.718	233.192.602.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	206.389.075.274	175.201.563.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	672.567.821.428	151.171.054.556
Chi phí khác	604.683.232.460	411.901.336.144
	<b>2.176.537.452.680</b>	<b>1.309.103.832.254</b>
	30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ủy thác đầu tư	79.504.283.318	68.409.493.588
Cổ tức, lợi nhuận được chia	759.341.700	856.451.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.636.271.823	6.360.197.928
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.013.781	32.120.088
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	585.317.200	-
	<b>83.498.227.822</b>	<b>75.658.263.004</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	51.560.737.034	56.948.045.112
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.555.279.000	7.299.553.849
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.118.457.643	39.651.927.800
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	1.983.947.485
Chi phí tài chính khác	65.377.417	10.894.166.298
	<b>83.299.851.094</b>	<b>116.777.640.544</b>

**32. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.111.301.349	4.809.675.620
Thu từ bồi thường	5.634.221.421	2.466.693.650
Thu nhập khác	5.833.887.948	3.926.891.371
<b>Thu nhập khác</b>	<b>13.579.410.718</b>	<b>11.203.260.641</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	2.315.035.010	3.295.001.034
Chi phí phạt	4.121.498.971	696.592
Chi phí khác	4.097.081.194	1.497.948.804
<b>Chi phí khác</b>	<b>10.533.615.175</b>	<b>4.793.646.430</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.045.795.543</b>	<b>6.409.614.211</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	195.376.881.345	189.921.737.623
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	30.207.153.715	7.166.970.261
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	8.584.863.921	11.217.382.798
Cộng: Các khoản lỗ của công ty con	159.307.726	1.963.875.864
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.037.431.910	2.441.055.091
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>164.781.603.346</b>	<b>175.942.315.519</b>
Lỗ năm trước mang sang	(50.057.516.942)	(15.937.328.207)
<b>Thu nhập chịu thuế đã điều chỉnh</b>	<b>114.724.086.404</b>	<b>160.004.987.312</b>
Thuế suất hiện hành	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>25.239.299.009</b>	<b>40.001.246.828</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	189.872.862	844.861.698
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau điều chỉnh</b>	<b>25.429.171.871</b>	<b>40.846.108.526</b>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%).



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty Thái Bình Dương, Công ty Phương Nam và Công ty Phương Đông Việt có tổng khoản lỗ chưa sử dụng là 411.102.664.839 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 467.764.894.693 đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản lỗ này do các Công ty này không chắc chắn thu được lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ. Các khoản lỗ sẽ được phép chuyển trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh và sẽ hết hạn chuyển theo lịch biểu sau:

Năm	<u>VND</u>
2014	72.783.143.832
2015	109.404.839.287
2016	5.423.382.780
2017	223.491.298.940
	<b><u>411.102.664.839</u></b>

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Lợi nhuận trong kỳ	169.958.523.108	147.601.936.816
Phân bổ cho:		
- Cổ đông thiểu số	34.819.803.807	18.315.546.626
- Cổ đông của Công ty mẹ	<u>135.138.719.301</u>	<u>129.286.390.190</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	135.138.719.301	129.286.390.190
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>232.600.000</u>	<u>232.600.000</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>581</u></b>	<b><u>556</u></b>

**35. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN**

Tổng Công ty Vận tải Dầu khí đã ký kết hợp đồng đóng tàu với Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và chuyển giao cho Công ty Thái Bình Dương. Giá trị ước tính của con tàu chứa dầu là 123.793.660 Đô la Mỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tổng chi phí phát sinh liên quan đến việc đóng tàu là 1.265.489.676.804 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.108.081.445.290 đồng).

**36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ	<u>14.360.646.059</u>	<u>18.198.108.055</u>
Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	30/6/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	22.108.964.671	18.253.210.765
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	18.773.167.893	18.021.432.599
Sau năm năm	<u>7.294.729.767</u>	<u>8.920.063.100</u>
	<b><u>48.176.862.331</u></b>	<b><u>45.194.706.464</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê đất, thuê văn phòng và thuê cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuê văn phòng được ký cho các giai đoạn từ ba đến bảy năm. Các khoản thuê đất được ký với thời hạn 05 năm và khoản thuê cơ sở hạ tầng được ký với thời hạn là 20 năm.

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 23, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	4.023.806.801.904	4.303.367.976.122
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.292.256.245.093	1.995.074.404.085
Nợ thuần	1.731.550.556.811	2.308.293.572.037
Vốn chủ sở hữu	2.925.118.555.536	2.818.638.435.865
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,59</u>	<u>0,82</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.292.256.245.093	1.995.074.404.085
Đầu tư tài chính	447.953.672.692	810.411.075.327
Phải thu khách hàng và phải thu khác	447.814.342.479	638.419.341.997
Các khoản ký quỹ	16.888.785.242	8.134.420.249
<b>Tổng cộng</b>	<u>3.204.913.045.506</u>	<u>3.452.039.241.658</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	4.023.806.801.904	4.303.367.976.122
Phải trả người bán và phải trả khác	1.177.271.804.778	1.285.945.531.448
Chi phí phải trả	147.660.767.551	168.062.612.130
<b>Tổng cộng</b>	<u>5.348.739.374.233</u>	<u>5.757.376.119.700</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	113.277.668.536	128.922.895.978	2.841.400.787.363	3.105.164.042.421
Euro (EUR)	14.398.852	14.584.515	-	-
Yên Nhật (JPY)	1.188.417.696	1.257.336.210	5.879.632.477	3.464.580.709
Bảng Anh (GBP)	-	20.744.858	-	943.533.361
Đô la Singapore (SGD)	33.716.589	20.744.858	776.026.121	1.085.944.217

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ hoạt động và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 81.843.693.565 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: giảm/tăng 89.287.234.393 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, đồng Bảng Anh, đồng Đô la Singapore và đồng Yên Nhật thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/6/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.292.256.245.093	-	-	2.292.256.245.093
Đầu tư tài chính	374.890.396.440	-	73.063.276.252	447.953.672.692
Phải thu khách hàng và phải thu khác	447.814.342.479	-	-	447.814.342.479
Các khoản ký quỹ	11.546.968.529	5.341.816.713	-	16.888.785.242
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.126.507.952.541</b>	<b>5.341.816.713</b>	<b>73.063.276.252</b>	<b>3.204.913.045.506</b>
Các khoản vay	661.543.061.394	2.023.064.480.942	1.339.199.259.568	4.023.806.801.904
Phải trả người bán và phải trả khác	563.995.121.454	36.048.843.324	577.227.840.000	1.177.271.804.778
Chi phí phải trả	147.660.767.551	-	-	147.660.767.551
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.373.198.950.399</b>	<b>2.059.113.324.266</b>	<b>1.916.427.099.568</b>	<b>5.348.739.374.233</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.753.309.002.142</b>	<b>(2.053.771.507.553)</b>	<b>(1.843.363.823.316)</b>	<b>(2.143.826.328.727)</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.995.074.404.085	-	-	1.995.074.404.085
Đầu tư tài chính	577.347.799.075	160.000.000.000	73.063.276.252	810.411.075.327
Phải thu khách hàng và phải thu khác	638.419.341.997	-	-	638.419.341.997
Các khoản ký quỹ	1.529.902.901	6.604.517.348	-	8.134.420.249
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.212.371.448.058</b>	<b>166.604.517.348</b>	<b>73.063.276.252</b>	<b>3.452.039.241.658</b>
Các khoản vay	811.927.212.094	2.108.837.276.167	1.382.603.487.861	4.303.367.976.122
Phải trả người bán và phải trả khác	673.396.921.465	35.320.769.983	577.227.840.000	1.285.945.531.448
Chi phí phải trả	168.062.612.130	-	-	168.062.612.130
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.653.386.745.689</b>	<b>2.144.158.046.150</b>	<b>1.959.831.327.861</b>	<b>5.757.376.119.700</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.558.984.702.369</b>	<b>(1.977.553.528.802)</b>	<b>(1.886.768.051.609)</b>	<b>(2.305.336.878.042)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức vừa phải và tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Các công ty trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH PVTrans Emas	Công ty liên doanh

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
<b>Dịch vụ cung cấp</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	1.344.833.895.097	1.132.884.388.827
Công ty TNHH PVTrans - Emas	<u>167.076.690.587</u>	<u>91.586.273.625</u>
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	<u>21.253.818.019</u>	<u>21.964.521.600</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>3.956.141.110</u>	<u>2.344.197.066</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	30/6/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	219.270.359.140	413.679.651.803
Công ty TNHH PVTrans - Emas	<u>104.603.776.240</u>	<u>54.226.055.688</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	<u>846.409.222.743</u>	<u>908.597.336.026</u>
<b>Các khoản vay phải trả</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	<u>1.477.452.589.913</u>	<u>1.479.920.220.618</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi,  
 Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

	Số đã báo cáo <u>VND</u>	Phân loại lại <u>VND</u>	Số sau phân loại lại <u>VND</u>
Tiền	738.404.562.785	(472.136.115.500)	266.268.447.285
Các khoản tương đương tiền	1.256.669.841.300	472.136.115.500	1.728.805.956.800
Phải trả dài hạn người bán	-	577.227.840.000	577.227.840.000
Phải trả dài hạn khác	613.717.659.783	(578.396.889.800)	35.320.769.983
Doanh thu chưa thực hiện	-	1.169.049.800	1.169.049.800



Nguyễn Thế Dân  
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Anh  
 Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

